

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-PT
Ngày 02 tháng 10 năm 2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Nguyễn Lệ Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Chúc Ly – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2018/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2018/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Minh T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh C, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Triệu N, sinh năm 1939 (có mặt)

Anh Triệu Minh T1, sinh năm 1982 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Anh Lê Minh C, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh chị kết hôn vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 09/4/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Trong quá trình chung sống thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau do bất đồng quan điểm. Mặc khác, anh C không lao động kiếm tiền chăm lo cho gia đình nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị sống ly thân hơn 5 tháng nay, trong thời gian ly thân vợ chồng chị không tìm đến nhau để hàn gắn quan hệ hôn nhân mà mỗi người tự có cuộc sống riêng của mình. Nay, hôn nhân của vợ chồng chị không còn hạnh phúc, chị cũng không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh C nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Có một con chung tên Lê Công M, sinh ngày 26/10/2012 đang sống với chị. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu M theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản chung gì nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Chị T và anh C có nợ ông Triệu N (cha ruột chị T) số tiền 25.000.000 đồng và nợ anh Triệu Minh T1 (anh ruột chị T) số tiền 35.000.000 đồng. Chị yêu cầu anh C cùng trả nợ cho ông N 25.000.000 đồng và anh T1 35.000.000 đồng. Ngoài ra, chị không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Minh C trình bày nội dung sau:

Anh C thống nhất với trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T và đồng ý giao cháu M cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc nhưng anh C không đồng ý cấp dưỡng cho cháu M.

Về nợ chung: Anh không biết gì đối với các khoản nợ của ông N số tiền 25.000.000 đồng và anh T1 số tiền 35.000.000 đồng. Tất cả các khoản nợ trên là nợ riêng của chị T. Do đó, anh không đồng ý cùng chị T trả nợ cho ông N và anh T1. Ngoài ra, anh không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Triệu Minh T1 trình bày:

Vào khoảng năm 2013, anh cho vợ chồng anh C và chị T mượn tiền hai lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng cộng là 10.000.000 đồng. Đến năm 2014, anh cho vợ chồng chị T mượn 20.000.000 đồng. Năm 2015, anh tiếp tục cho vợ chồng chị T mượn thêm 5.000.000 đồng. Tổng cộng chị T và anh C nợ anh số tiền 35.000.000 đồng. Chị T là người trực tiếp đến mượn tiền, không có làm giấy tờ, cũng không có ai chứng kiến. Anh yêu cầu chị T và anh C thanh toán cho anh khoản nợ 35.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, kể cả không yêu cầu trả lãi trong giai đoạn thi hành án. Ngoài ra anh không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Triệu N trình bày:

Vào khoảng năm 2012 (ông không nhớ chính xác thời gian cụ thể), ông 02 lần cho vợ chồng anh C và chị T mượn tiền, mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng cộng là 10.000.000 đồng. Đến năm 2013, ông cho vợ chồng chị T mượn 15.000.000 đồng. Tổng cộng chị T và anh C nợ ông số tiền là 25.000.000 đồng. Chị T là người trực tiếp đến mượn tiền, không có làm giấy tờ, cũng không có ai chứng kiến. Ông yêu cầu chị T và anh C thanh toán cho ông khoản nợ 25.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, kể cả không yêu cầu trả lãi trong giai đoạn thi hành án. Ngoài ra ông không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 07/2018/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Minh T và anh Lê Minh C.

2. Về quan hệ con chung: Chị T được quyền tiếp tục nuôi cháu Lê Công M, sinh ngày 26/10/2012, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng là 650.000 đồng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi (thời hạn cấp dưỡng được tính từ ngày 04/5/2018). Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về nợ chung: Chấp nhận các yêu cầu của anh Triệu Minh T1 đòi chị T và anh C trả số tiền 35.000.000 đồng, ông Triệu N đòi chị T và anh C trả số tiền 25.000.000 đồng.

Buộc chị T và anh C mỗi người có nghĩa vụ trả cho anh T1 số tiền 17.500.000 đồng.

Buộc chị T và anh C mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền 12.500.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, Luật Thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 28/5/2018 anh Lê Minh C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Anh không đồng ý trả cho anh Triệu Minh T1 số tiền 17.500.000 đồng và trả cho ông Triệu N 12.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Minh C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Minh C, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 07/2017/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét kháng cáo của anh Lê Minh C không đồng ý trả cho anh Triệu Minh T1 số tiền 17.500.000 đồng và trả cho ông Triệu N 12.500.000 đồng, vì anh cho rằng không biết gì về khoản nợ trên, đó là nợ riêng của chị Triệu Minh T. Hội đồng xét xử xét thấy: Các khoản nợ của anh T1, ông N đều do chị T trực tiếp mượn, khi mượn không làm giấy tờ và cũng không ai chứng kiến. Theo những người sinh sống gần nhà anh C, chị T như anh Đinh Chí D, bà Lê Thị T, ông Võ Chiến T và anh Lê Minh T (anh ruột anh C) đều xác định khi vợ chồng anh C, chị T nuôi tôm cho đến khi không còn nuôi nữa thì đều bị thất bại (bút lục 44 - 45, 48). Đồng thời, tại Tòa án cấp sơ thẩm thì anh C cũng thừa nhận khi còn chung sống với nhau vợ chồng anh có nuôi tôm nhưng đều thất bại, cả chị T và anh C đều không có nghề nghiệp, không có tài sản.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C cho rằng trong quá trình nuôi tôm thì huê vốn chứ không lỗ, lời trình bày này của anh C có mâu thuẫn với lời khai trước đó của anh và không phù hợp với các chứng cứ khách quan mà Tòa án đã thu thập được nên không có căn cứ để xem xét. Như vậy, trong khoảng thời gian không có thu nhập để đảm bảo chi phí sinh hoạt trong gia đình, nuôi con nhỏ và chi phí để tiếp tục nuôi tôm thì việc anh, chị có mượn tiền để chi xài các khoản theo như trình bày của chị T là phù hợp. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh C có nghĩa vụ trả 1/2 số tiền nợ anh T1, ông N với chị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh C.

[4] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Lê Minh C; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 07/2018/HNGĐ-ST ngày 04/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Đối với yêu cầu của anh Triệu Minh T1 và ông Triệu N về việc không tính lãi trong giai đoạn thi hành án thì thấy rằng: Tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét mà tuyên án theo quy định chung của pháp luật. Do đó, cần điều chỉnh cách tuyên án đối với một phần quyết định của Bản án sơ thẩm về nội dung này.

[6] Các phần khác của bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên và đã có hiệu lực pháp luật.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm, anh Lê Minh C phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều: 51, 53, 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 280 Bộ luật dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 27, Điều 28, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Minh C. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 07/2018/HNGĐ-ST ngày 04/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Minh T và anh Lê Minh C.

2. Về con chung: Chị T được quyền tiếp tục nuôi cháu Lê Công M, sinh ngày 26/10/2012; anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng là 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng) từ ngày 04/5/2018 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Triệu Minh T1 đòi chị T và anh C trả số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), chấp nhận yêu cầu của ông Triệu N đòi chị T và anh C trả số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Buộc anh Lê Minh C và chị Triệu Minh T mỗi người có nghĩa vụ trả cho anh Triệu Minh T1 số tiền 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Buộc anh Lê Minh C và chị Triệu Minh T mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông Triệu N số tiền 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

4. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm anh Lê Minh C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Anh C đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004047 ngày 28/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Cao Thị Túy Giang